TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1 phúc**

Bản án số: **87**/2022/HS-ST
Ngày 23 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê MChiểu.

2. Bà Hoàng Thị Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** 1. Bà Trịnh Thị Phượng - Kiểm sát viên.

2. Bà Nguyễn Thị H1 - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2022/TLST - HS ngày 26 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1998 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1961 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ 5, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 05/7/2022, bị Công an xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 1.500.000đ về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Bị cáo chưa nộp tiền phạt).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/8/2022 tại Nhà tạm giữ công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trịnh Công M**, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2000 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Công C, sinh

năm 1977 và bà: Lê Thị N, sinh năm 1978; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 05/7/2022, bị Công an xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 1.500.000đ về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Bị cáo chưa nộp tiền phạt);

- Ngày 15/9/2022, bị Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền 2.500.000đ về hành vi "Trộm cắp tài sản" (Bị cáo chưa nộp tiền phạt).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/6/2022 tại Nhà tạm giữ công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1990 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 và bà: Lê Thị L, sinh năm 1958; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3, chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án.

- Ngày 16/3/2016, bị Tòa án nhân dân Thị xã D (nay là Thành phố D), tỉnh B xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2020.

Nhân thân:

- Ngày 05/7/2022, bị Công an xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 1.500.000đ về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Bị cáo chưa nộp tiền phạt).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/8/2022 tại Nhà tạm giữ công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trịnh Viết Đ**, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1994 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Viết M, sinh năm 1968 và bà: Trịnh Viết Mhảo, sinh năm 1971; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai, có vợ (đã ly hôn), chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 15/9/2022, bị Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền 2.500.000đ về

hành vi "Trộm cắp tài sản" (Bị cáo đã nộp tiền phạt).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/7/2022 tại Nhà tạm giữ công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Ông Lưu Văn M, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B 1, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lưu Văn D, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T 3, xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P 1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Ông Dương Đình D, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Thiệu Ngọc, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

5. Ông Trịnh Ngọc G, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lê Xá, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

6. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố , Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Lê Thị N, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P 2, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Lê Xuân N, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Trịnh Viết P, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Phượng Đình 2, Phường Tào Xuyên, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

6. Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng*:

1. Chị Lê Thị H3, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, Thị trấn B, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

2. Ông Nguyễn Duy Y, sinh năm 1944 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P 1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/5/2022 đến ngày 26/6/2022, Trịnh Viết Đ, Trịnh Công M, Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn L đã thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 06/5/2022, Trịnh Viết Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu xanh, BKS 36B5 – 966.54 từ nhà đến nhà Trịnh Công M để rủ Mđi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà Minh, Đ nói với M"Có đi làm không?", Mhiểu là Đ rủ đi trộm cắp tài sản nên trả lời "có". Sau đó, Mđiều khiển xe mô tô chở Đ đi vào Thị trấn B, huyện Yên Định ngồi uống nước. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, cả hai đi vào xã Đ, huyện Yên Định để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến thôn B 1, xã Đ thì Mphát hiện có một chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của gia đình ông Lưu Văn M, sinh năm 1965 đang để ở ven đường bên trái trước nhà, Mnói với Đ lấy trộm chiếc xe kéo trên. Mvà Đ đi đến gần vị trí chiếc xe, quan sát xung quanh không thấy ai, Đ xuống kéo xe đi lại vị trí xe kéo rồi kéo xe lại chỗ Mđang đứng đợi. Sau đó, Mđiều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau kéo chiếc xe kéo vừa trộm cắp được đi đến cơ sở thu mua sắt vụn nhà chị Lê Thị N, sinh năm 1976, ở thôn Đ, xã Định Bình, huyện Yên Định bán được 600.000đ và chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Khi bán, Đ và Mđều không nói đó là tài sản do trộm cắp mà có. Còn chị Lê Thị N không thừa nhận đã mua chiếc xe kéo của Đ và Minh; Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được vật chứng này. (BL 50, 54 - 58, 63 - 65, 100, 105 - 107, 115, 273 – 275).

Kết quả định giá xác định: Chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của ông Lưu Văn M tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 3.000.000đ (BL 414).

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 12/6/2022, Nguyễn Đức T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirus màu đen, BKS 36P5 – 3281 đến nhà Trịnh Công M để rủ Mtìm mua ma túy sử dụng. Mđồng ý và điều khiển xe mô tô nêu trên chở T đi đến địa bàn xã Đ, huyện Yên Định và ngồi uống nước ở một quán vỉa hè. Sau đó, T và Mnảy sinh ý định đi dọc các tuyến đường tìm tài sản sở hở để trộm cắp. Khi đi đến nhà anh Lưu Văn D, sinh năm 1988, ở thôn T 3, xã Yên Ninh, huyện Yên Định, cả hai phát hiện thấy có một chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của nhà anh Du đang để ở trước nhà. Mchở T đi qua vị trí chiếc xe khoảng 100m thì T nói với M"có cái xe, có lấy thì lấy", Mđồng ý nên điều khiển xe mô tô quay lại đến cách vị trí chiếc xe kéo khoảng 15m. Quan sát xung quanh không có ai, T xuống kéo xe kéo lại chỗ Mđứng rồi ngồi lên sau xe mô tô. Mđiều khiển xe mô tô chở T kéo theo chiếc xe kéo tự chế vừa trộm cắp được đến cơ sở thu mua phế liệu Hảo Tường ở thôn P 2, xã Y, huyện Yên Định để bán được số tiền 450.000đ rồi tiêu xài cá nhân hết. Chị Trần Thị H là chủ cơ sở thu mua phế liệu Hảo Tường không mua chiếc xe mà T và Mđã trộm cắp của anh Du. Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng (BL 116 - 117, 139 141, 164 - 168, 337).

Kết quả định giá tài sản xác định: Chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của anh Lưu Văn D tại thời điểm bị trộm cắp có giá 3.200.000đ (BL 431).

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ ngày 23/6/2022, Trịnh Công M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirus màu đen, BKS 36P5 – 3281 chở Nguyễn Đức T đi từ huyện V, tỉnh Thanh Hóa về đến xã Y, huyện Yên Định. Trên đường đi, Mnói với T "vào đây xem cái xe hôm trước em thấy còn không?", T hiểu là Mrủ đi trộm cắp tài sản nên đồng ý. Mđiều khiển xe chở T vào thôn P 1, xã Y, huyện Yên Định rồi dừng lại trước nhà anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1978. Khi đó, Mvà T thấy có chiếc xe tự chế bằng sắt của nhà anh Nghĩa đang đặt ở ven đường bê tông của thôn, phía sau nhà đang xây dựng. Mnói "cái xe đang còn, đợi hết người thì vào lấy" thì T đồng ý. Mvà T dừng xe tại ngã tư đường đứng đợi. Khi không thấy ai qua lại, T xuống xe lấy chiếc xe kéo rồi ngồi lên xe Minh. Mđiều khiển xe mô tô chở T ngồi sau kéo chiếc xe vừa trộm cắp được của gia đình anh Nghĩa đến nhà chị Lê Thị N, sinh năm 1976, ở thôn Đ, xã Định Bình, huyện Yên Định bán được số tiền 550.000đ và cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Chị Ngọc không thừa nhận đã mua xe này của Mvà T. Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản. (BL 132 - 133, 136 - 138, 192 - 196, 358 - 359).

Kết quả định giá tài sản xác định: Chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của anh Nguyễn Duy N tại thời điểm trộm cắp có giá 3.250.000đ (BL 438).

Vụ thứ tư: Sáng ngày 26/6/2022, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirus, màu đen, BKS 36P5 – 3281 đến nhà Nguyễn Đức T để rủ T đi uống nước và đi mua ma túy về sử dụng. Đến 12 giờ cùng ngày, L chở T đi vào Khu phố L, Thị trấn B, huyện Yên Định. Khi đi dọc bờ kênh mương thì L và T phát hiện phía trước nhà chị Lê Thị H3, sinh năm 1976 có một chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của ông Dương Đình D, sinh năm 1963, ở Thôn N, xã Thiệu Ngọc, huyện T đang để ở ven đường sát bờ tường nhà chị Hoa. L nói với T "có cái xe, có lấy không?", T nói "vòng lại coi lấy được thì lấy". L điều khiển xe mô tô đi qua một đoạn sau đó quay xe lại đến gần vị trí chiếc xe kéo. Quan sát xung quanh không thấy ai, T xuống đi lại vị trí chiếc xe, kéo chiếc xe lại vị trí L đứng đợi rồi ngồi lên xe mô tô. L chở T ngồi đằng sau kéo theo chiếc xe kéo của ông Dũng rồi đi đến cơ sở thu mua sắt vụn Hảo Tường ở thôn P 2, xã Y, huyện Yên Định bán cho chị Trần Thị H được số tiền khoảng 400.000đ. Chị Hảo thừa nhận có mua chiếc xe này của T và L. Tuy nhiên, khi mua xe chị Hảo không hỏi nguồn gốc chiếc xe, T và L cũng không nói đó là xe do trộm cắp mà có. Chị Hảo đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe cho cơ quan điều tra trong tình trạng xe bị cắt rời ra thành nhiều đoạn sắt vụn (BL 169 - 173, 182 - 186, 231 - 233, 240 - 242).

Sau khi bán chiếc xe trộm cắp được của ông Dũng cho chị Hảo thì L tiếp tục chở T đi vào khu dân cư thôn Lê Xá, xã Y, huyện Yên Định để quay về Thị trấn B. Khi đi qua đoạn đường bê tông trước nhà ông Trịnh Ngọc G, sinh năm 1960, T phát hiện thấy một chiếc xe kéo tự chế bằng sắt đang để ở dưới gốc cây trong khu đất trống nhà ông Giảng. Thấy xung quanh không có người, T nói với L "có cái xe,

dừng lại cho em xuống lấy". L dừng xe trước cổng, T xuống xe đi lại kéo chiếc xe ra chỗ L đứng rồi ngồi lên xe mô tô. L điều khiển xe mô tô chở T kéo theo chiếc xe vừa trộm cắp được đi ra Quốc lộ 45 đến nhà chị Lê Thị N, sinh năm 1976, ở thôn Đ, xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa bán được số tiền hơn 300.000đ rồi chia nhau tiêu xài hết (BL 199 - 201, 243 - 244, 250 - 254). Chị Ngọc không nhận đã mua xe của L và T. Cơ quan điều tra không thu giữ được tài sản (BL 402).

Kết quả định giá tài sản xác định: Chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của ông Dương Đình D tại thời điểm trộm cắp có giá là 2.800.000đ; chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của ông Trịnh Ngọc G tại thời điểm trộm cắp có giá trị là 1.400.000đ (BL 448, 455).

Qúa trình điều tra, Trịnh Viết Đ, Trịnh Công M, Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn L đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để xác định, Trịnh Viết Đ và Trịnh Công M đã có hành vi trộm cắp chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của ông Lưu Văn M trị giá 3.000.000đ (vào ngày 06/5/2022); Trịnh Công M và Nguyễn Đức T đã 02 lần trộm cắp chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của anh Lưu Văn D trị giá 3.200.000đ (vào ngày 12/6/2022) và của anh Nguyễn Duy N trị giá 3.250.000đ (vào ngày 23/6/2022); Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn L trong ngày 26/6/2022 đã trộm cắp chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của ông Dương Đình D trị giá 2.800.000đ và của ông Trịnh Ngọc G trị giá 1.400.000đ.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định đêm ngày 11/5/2022, Trịnh Viết Đ và Trịnh Công M còn trộm cắp một chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của gia đình ông Lê Văn T, ở Tổ dân phố , Thị trấn B, huyện Yên Định trị giá 1.320.000đ. Sau đó bán cho chị Lê Thị H1, sinh năm 1993, hiện đang ở tại Thôn B, Đ, huyện Yên Định được số tiền là 1.110.000đ thì bị tổ công tác Công an huyện Yên Định kiểm tra, thu giữ số tiền 1.110.000đ và chiếc xe kéo nêu trên. Qúa trình điều tra, chị Lê Thị H1 cũng đã thừa nhận mua chiếc xe này của Đ và Mtrong khi biết rõ đó là tài sản do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, giá trị tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000đ, bản thân Mvà Đ chưa có tiền án, tiền sự nên ở lần trộm cắp này, hành vi của Đ và Mchưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của chị Lê Thị H1 cũng chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Yên Định để xử lý vi phạm hành chính đối với Đ, Mvà H1.

Đối với chị Trần Thị H khi mua tài sản là chiếc xe kéo tự chế bằng sắt ngày 26/6/2022 của Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn L nhưng Hảo không biết nguồn gốc tài sản là do T, L phạm tội mà có nên không xem xét xử lý đối với chị Hảo. Đối với chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của anh Lưu Văn D do T và Mtrộm cắp và bán cho chủ cơ sở thu mua phế liệu Hảo Tường. Tuy nhiên chị Hảo khai báo không mua chiếc xe

kéo nào có đặc điểm giống chiếc xe kéo của anh Du nên không có đủ cơ sở để xem xét xử lý chị Hảo.

Đối với chị Lê Thị N không thừa nhận việc mua xe kéo do Đ và Mđã trộm cắp của ông Mạnh; Mvà T trộm cắp của anh Nghĩa; L và T trộm cắp của ông Giảng. Hơn nữa, khi giao dịch mua bán các bị cáo không nói rõ nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý chị Ngọc.

Về vật chứng vụ án: Qúa trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác định:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha màu xanh, BKS 36B5 - 966.54 thuộc quyền sở hữu của anh Trịnh Viết P, ở thôn L, xã Đ, huyện Yên Định; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirus BKS 36P5 - 3281 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Xuân N, ở thôn D, xã Đ, huyện Yên Định. Việc Đ, L và T sử dụng hai xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản thì anh Phương và ông Nông không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh Phương và không thu giữ chiếc xe của ông Nông;

- Tiền Việt Nam đồng gồm 1.110.000đ là tiền thật, có được do Đ và Mbán chiếc xe trộm cắp của gia đình ông Lê Xuân Toản ở Tổ dân phố , Thị trấn B, huyện Yên Định;

- 01 chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của gia đình ông Lê Xuân Toản do Lê Thị H1 giao nộp;

- Các bộ phận cắt rời của chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của ông Dương Đình D do chị Trần Thị H giao nộp.

Qúa trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng tới quá trình giải quyết vụ án, nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe kéo tự chế bằng sắt cho gia đình anh Toản và các bộ phận cắt rời của chiếc xe kéo tự chế bằng sắt cho ông Dương Đình D.

Các vật chứng còn lại đang được bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

- Gia đình anh Toản đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm;

- Anh Nguyễn Duy N không yêu cầu Trịnh Công M và Nguyễn Đức T phải bồi thường thiệt hại;

- Ông Lưu Văn M yêu cầu Trịnh Viết Đ và Trịnh Công M phải bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp theo kết quả định giá là 3.000.000đ;

- Anh Lưu Văn D yêu cầu Nguyễn Đức T và Trịnh Công M bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp theo kết quả định giá là 3.200.000đ. Tại phiên tòa, anh Du chỉ yêu cầu các bị cáo T và Mbồi thường số tiền là 3.000.000đ.

- Ông Dương Đình D yêu cầu Nguyễn Văn L và Nguyễn Đức T phải bồi thường số tiền 3.000.000đ là chi phí làm lại xe mới. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Dũng chỉ yêu cầu L và T phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 2.000.000đ.

- Ông Trịnh Ngọc G yêu cầu Nguyễn Văn L và Nguyễn Đức T phải bồi thường số tiền 1.400.000đ theo như kết quả định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKSYĐ ngày 26/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Nguyễn Đức T, Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Đức T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/8/2022.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trịnh Công M từ 15 tháng đến 18 tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giam 30/6/2022;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/8/2022;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trịnh Viết Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/7/2022;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại, cụ thể:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho anh Lưu Văn D 1.500.000đ, cho ông Dương Đình D 1.000.000đ, cho ông Trịnh Ngọc G 700.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 3.200.000đ;

Buộc bị cáo Trịnh Công M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho anh Lưu Văn D 1.500.000đ, cho ông Lưu Văn M 1.500.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 3.000.000đ;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho ông Dương Đình D 1.000.000đ, cho ông Trịnh Ngọc G 700.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 1.700.000đ;

Buộc bị cáo Trịnh Viết Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Lưu Văn M số tiền là 1.500.000đ.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Bị hại anh Lưu Văn D không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Trịnh Công M. Các bị cáo nói lời sau cùng, đã nhận thấy hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Định; hành vi của Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ đã hoàn toàn thừa nhận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên ngày 06/5/2022 Trịnh Viết Đ và Trịnh Công M đã có hành vi trộm cắp 01 xe kéo tự chế bằng sắt của ông Lưu Văn M ở thôn B, xã Đ, huyện Yên Định trị giá 3.000.000đ; ngày 12/6/2022 và ngày 23/6/2022, Nguyễn Đức T và Trịnh Công M đã trộm cắp 01 xe kéo tự chế bằng sắt của anh Lưu Văn D ở thôn T 3, xã Yên Ninh, huyện Yên Định trị giá 3.200.000đ và 01 xe kéo của gia đình anh Nguyễn Duy N ở thôn P 1, xã Y, huyện Yên Định trị giá 3.250.000đ; ngày 26/6/2022, Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn L đã trộm cắp 02 chiếc xe kéo tự chế bằng sắt trị giá 4.200.000đ gồm: 01 xe kéo để ở Khu phố L, Thị trấn B trị giá 2.800.000đ của ông Dương Đình D, người ở xã thôn N, xã Thiệu Ngọc, huyện T và 01 xe kéo trị giá 1.400.000đ của ông Trịnh Ngọc G ở thôn Lê Xá, xã Y, huyện Yên Định. Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp là: Nguyễn Đức T trộm cắp 10.650.000đ, Trịnh Công M trộm cắp 9.450.000đ, Nguyễn Văn L trộm cắp 4.200.000đ, Trịnh Viết Đ trộm cắp 3.000.000đ.

Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án,

người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi trộm cắp các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng. Các bị cáo phạm tội không có sự phân công vai trò cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M đã 03 lần trộm cắp tài sản tuy nhiên giá trị tài sản do T trộm cắp có giá trị nhiều hơn Mnên xếp T ở vị trí thứ nhất. Mgiữ vị trí thứ hai, sau đó đến Nguyễn Văn L có vai trò thứ ba và Trịnh Viết Đ giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phải biết được rằng tài sản của ông Mạnh, anh Du, ông Dũng, ông Nghĩa và ông Giảng cũng như bao tài sản của công dân khác là do công sức của họ làm nên và được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của công dân đều bị xử lý nghiêm minh. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, dẫn đến việc phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm để giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn L có 01 tình tiết tăng nặng là "tái phạm" được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M phải chịu tình tiết tăng nặng là "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Trịnh Viết Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại Trịnh Ngọc G và tại biên bản làm việc với bị hại Dương Đình D thì ông Giảng, ông Dũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T và L; tại phiên tòa bị hại anh Lưu Văn D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T và M là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính chất của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều là đối tượng nghi nghiện ma túy, thuộc diện theo dõi của xã, chính quyền địa phương có báo cáo về

việc các bị cáo thường xuyên trộm cắp tài sản trên địa bàn và các địa phương lân cận. Bị cáo T và L có 01 nhân thân bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "sử dụng trái phép chất ma túy", bị cáo Trịnh Công M có 02 nhân thân về hành vi "sử dụng trái phép chất ma túy" và "trộm cắp tài sản", bị cáo Đ có 01 nhân thân về hành vi "Trộm cắp tài sản". Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân tốt. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, vị trí vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng đối với mỗi bị cáo cho phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ đều không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng; gia đình bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo là phù hợp.

[5] Đối với hành vi của các bị cáo Trịnh Viết Đ và Trịnh Công M trộm cắp 01 chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của gia đình ông Lê Văn T ở Tổ dân phố , Thị trấn B, huyện Yên Định trị giá 1.320.000đ, sau đó bán cho chị Lê Thị H1 được số tiền là 1.110.000đ. Chị H1 biết đó là tài sản trộm cắp mà có nhưng vẫn mua. Tuy nhiên, giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đ, bản thân Đ, Mvà H1 đều chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi của Đ, Mtrộm cắp lần này không đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", hành vi của H1 không đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Yên Định và đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ, Mvà H1.

Đối với chị Trần Thị H khi mua tài sản là chiếc xe kéo tự chế bằng sắt ngày 26/6/2022 của Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn L, Hảo không biết nguồn gốc tài sản là do T, L phạm tội mà có nên không xem xét xử lý đối với Hảo. Đối với chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của anh Lưu Văn D do T, M trộm cắp và bán cho chủ cơ sở thu mua phế liệu Hảo Tường. Tuy nhiên, chị Hảo khai báo không mua chiếc xe kéo nào có đặc điểm giống chiếc xe kéo của anh Du, khi mua bán các bị cáo T, M không trao đổi về nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có, do đó không có đủ cơ sở để xem xét xử lý chị Hảo.

Đối với chị Lê Thị N khai: Thời gian từ đầu năm 2022 đến tại thời điểm làm việc tháng 9/2022, chị không mua chiếc xe kéo nào có đặc điểm như các bị cáo Đ và Mđã trộm cắp của ông Mạnh; Mvà T trộm cắp của anh Nghĩa; L và T trộm cắp của ông Giảng. Chị cũng không quen biết các bị cáo này. Hơn nữa, khi giao dịch mua bán các bị cáo đều khai, khi bán không nói rõ về nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có, cũng như khi bán tài sản các bị cáo chỉ nhớ bán cho một người phụ nữ nhưng không rõ mặt vì người đó đeo khẩu trang nên cơ quan điều tra chưa có đủ cơ sở để xử lý chị Ngọc và sẽ tiếp tục điều tra xác Mnếu có đủ cơ sở sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honđa Wave Alpha màu xanh, BKS 36B5 – 966.54 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Trịnh Viết P và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirus BKS 36P5 – 3281 của ông Lê Xuân N là hai chiếc xe do Đ, L và T sử dụng đi trộm cắp tài sản nhưng anh Phương, ông Nông đều không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh Phương và không thu giữ xe của ông Nông là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của gia đình ông Lê Văn T do chị Lê Thị H1 giao nộp. Qúa trình điều tra, cơ quan điều tra đã làm rõ và trả lại cho ông Toản là phù hợp.

Đối với các đoạn sắt cắt rời của chiếc xe kéo tự chế bằng sắt của ông Dương Đình D do chị Trần Thị H giao nộp. Cơ quan điều tra đã làm rõ và trả lại phần cắt rời này cho ông Dũng.

Đối với số tiền Việt Nam đồng 1.110.000đ là số tiền Đ và Mkhi trộm cắp của gia đình ông Lê Văn T sau đó đem bán cho chị Lê Thị H1 mà có. Đây là số tiền liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi này của Đ, Minh, H1 đã bị xử phạt vi phạm hành chính, còn số tiền 1.110.000đ là tang vật của vụ án bị xử lý hành chính và đã sung quỹ Nhà nước. Do đó, trong vụ án này HĐXX không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Qúa trình điều tra, gia đình ông Lê Văn T đã nhận lại đầy đủ tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu các bị cáo Trịnh Công M và Trịnh Viết Đ phải bồi thường gì thêm; anh Nguyễn Duy N không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đức T và Trịnh Công M phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc ông Lưu Văn M yêu cầu Trịnh Viết Đ và Trịnh Công M phải bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp theo kết quả định giá tài sản là 3.000.000đ; anh Lưu Văn D yêu cầu Nguyễn Đức T và Trịnh Công M bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp là 3.000.000đ; ông Dương Đình D yêu cầu Nguyễn Văn L và Nguyễn Đức T phải bồi thường một phần chi phí làm lại xe là 2.000.000đ, ông Trịnh Ngọc G yêu cầu L và T bồi thường số tiền thiệt hại theo kết quả định giá tài sản là 1.400.000đ. Đến nay, các bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của các bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật và tại phiên tòa các bị cáo đều đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của người bị hại nên chấp nhận. Các bị cáo đều cùng thực hiện hành vi trộm cắp tích cực và được hưởng lợi ích như nhau, cùng dùng chung số tiền có được do phạm tội mà có để chi tiêu cá nhân. Do vậy, cần buộc các bị cáo đều có trách nhiệm như nhau để liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Cụ thể như sau:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho anh Lưu Văn D 1.500.000đ, cho ông Dương Đình D 1.000.000đ, cho ông Trịnh Ngọc G 700.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 3.200.000đ;

Buộc bị cáo Trịnh Công M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho anh Lưu Văn D 1.500.000đ, cho ông Lưu Văn M 1.500.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 3.000.000đ;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho ông Dương Đình D 1.000.000đ, cho ông Trịnh Ngọc G 700.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 1.700.000đ;

Buộc bị cáo Trịnh Viết Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Lưu Văn M số tiền là 1.500.000đ.

Đối với việc bị cáo T và L có bán xe lôi cho chị Hảo được số tiền khoảng 400.000đ nhưng chị Hảo không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo T thuộc đối tượng hộ cận nghèo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí cho bị cáo. Do đó, HĐXX xét thấy, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo không có tài sản riêng nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp.

Đối với các bị cáo Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ không phải là đối tượng được miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 15 (*mười lăm*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/8/2022.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Công M 14 (*mười bốn*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giam 30/6/2022.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 10 (*mười*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/8/2022.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Viết Đ 07 (*bảy*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/7/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại, cụ thể:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho anh Lưu Văn D 1.500.000đ, cho ông Dương Đình D 1.000.000đ, cho ông Trịnh Ngọc G 700.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 3.200.000đ;

Buộc bị cáo Trịnh Công M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho anh Lưu Văn D 1.500.000đ, cho ông Lưu Văn M 1.500.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 3.000.000đ;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Cho ông Dương Đình D 1.000.000đ, cho ông Trịnh Ngọc G 700.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 1.700.000đ;

Buộc bị cáo Trịnh Viết Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Lưu Văn M số tiền là 1.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật hình sự.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đức T.

Buộc các bị cáo Trịnh Công M, Nguyễn Văn L và Trịnh Viết Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại anh Lưu Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án phần liên

quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê MChiểu Hoàng Thị Thu Nguyễn Thị Hoa

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Công M phải bồi thường thiệt hại cho anh Lưu Văn D số tiền là 3.200.000đ. Chia phần: Bị cáo T bồi thường số tiền 1.600.000đ và bị cáo Mbồi thường số tiền là 1.600.000đ;

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn L phải bồi thường thiệt hại cho ông Dương Đình D số tiền là 2.000.000đ; bồi thường cho ông Trịnh Ngọc G số tiền là 1.400.000đ. Chia phần: Bị cáo T bồi thường số tiền 1.000.000đ cho ông Dũng, bồi thường số tiền 700.000đ cho ông Giảng; bị cáo L bồi thường số tiền là 1.000.000đ cho ông Dũng, bồi thường số tiền 700.000đ cho ông Giảng;

Buộc các bị cáo Trịnh Công M, Trịnh Viết Đ phải bồi thường thiệt hại cho ông Lưu Văn M số tiền là 3.000.000đ. Chia phần: Bị cáo Mbồi thường số tiền 1.500.000đ, bị cáo Đ bồi thường số tiền là 1.500.000đ;

Vậy, tổng sổ tiền các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là: Bị cáo T phải bồi thường số tiền là 3.300.000đ, bị cáo Mphải bồi thường số tiền là 3.100.000đ, bị cáo L phải bồi thường số tiền là 1.700.000đ và bị cáo Đ phải bồi thường số tiền là 1.500.000đ.